

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-6-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm

2. Ông Đỗ Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: /2021/QĐXX-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1981. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975. Có mặt

Cùng hộ khẩu thường trú: Tổ 14, khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 06/4/2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thu H trình bày:

Bà H và ông C chung sống và tổ chức đám cưới vào năm 1999. Đến ngày 14/10/2004 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh B (nay là phường T, thị xã B, tỉnh B). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2020 cho đến nay mâu thuẫn giữa bà H và ông C trở nên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Cách đây khoảng 07 năm ông C ngoại tình, C sống với người phụ nữ khác. Bà H bắt gặp, hai bên chửi bới nhau, ông C còn dọa đánh bà H. Sau đó, hai vợ chồng đã hàn gắn và tiếp tục C sống, tuy nhiên, ông C không thay đổi mà vẫn còn qua lại với người phụ nữ khác. Bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông C hiện đang sống với người phụ nữ khác cho Tòa án. Ông C đi làm và thỉnh thoảng mới về nhà, nhưng về nhà thì vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Việc ông C trình bày bà H ngoại tình là không đúng, ông C ghen tuông vô cớ và không có chứng cứ chứng minh việc bà H ngoại tình.

Ngoài ra, ngày 7/5/2021, sau khi làm việc tại Tòa án thì về nhà ông C gây gỗ, dùng dao, búa đuôi, dọa chém bà H. Do mâu thuẫn kéo dài đã lâu, hiện đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân nên bà H yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông C có 02 con C là Nguyễn Thị Thu G, sinh ngày 26/4/2000 và Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 18/12/2001. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 07/5/2021, Biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông C và bà H chung sống và tổ chức đám cưới vào năm 1999 đến ngày 14/10/2004 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh B (nay là phường T, thị xã B, tỉnh B). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn và từ năm 2020, mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Ngoài ra, ông C nhiều lần bắt gặp bà H nhắn tin, gọi điện với người đàn ông khác. Bà H còn đi chơi với người đàn ông khác, không C thủy với ông C. Tuy nhiên hiện nay ông C không có chứng cứ việc bà H ngoại tình nộp cho Tòa án. Hiện hai vợ chồng vẫn sống C nhưng ông C đi làm thỉnh thoảng mới về. Hai vợ chồng hiện nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Nay bà H yêu cầu ly hôn ông không đồng ý ly hôn với bà H. Lý do không đồng ý là mặc dù vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân là do bà H có người đàn ông khác nên ông C không đồng ý ly hôn. Ông C sẽ thu thập chứng cứ việc bà H ngoại tình, khi có đủ chứng cứ thì ông C mới đồng ý ly hôn.

Ông C chỉ đồng ý ly hôn khi bà H viết giấy cam kết từ khi ly hôn bà H và gia đình bà H không được bước chân vào nhà ông C nếu có ai đến làm phiền, bước vô nhà ông C thì bà H phải chịu trách nhiệm. Ngoài ra, bà H phải viết giấy ghi rõ lý do ly hôn là do cặp với người khác, gia đình bà H bắt buộc bà H ly hôn để sống với người khác, giấy này ông C sẽ giữ để cho mọi người biết lý do vì sao bà H yêu cầu ly hôn với ông C.

Ông C thừa nhận cách đây khoảng 07 năm ông C có qua lại với người phụ nữ khác nhưng hiện nay đã chấm dứt. Còn bà H trình bày hiện ông C sống C với người phụ nữ khác thì ông không đồng ý vì bà H không có chứng cứ.

Đúng là ngày 7/5/2021 thì sau khi hòa giải ở Tòa án về vợ chồng có gây gổ, chửi bới nhau do ông C quá bức xúc nhưng không có việc dùng dao, búa đuổi chém bà H như bà H khai. Hiện hai vợ chồng mâu thuẫn đã quá trầm trọng nhưng ông C không đồng ý ly hôn do chưa thỏa thuận xong về tài sản và ông C chưa có chứng cứ bà H ngoại tình.

Ông C không có yêu cầu phản tố với bị đơn.

Về con chung : Ông C và bà H có 02 con C là Nguyễn Thị Thu G, sinh ngày 26/4/2000 và Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 18/12/2001. Hiện các con C đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Ông C không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung.

Tại phiên tòa :

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho bà được ly hôn với ông C để sớm ổn định cuộc sống.

Bị đơn ông C giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn với bà H.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Văn C có hộ khẩu thường trú tại Tổ 14, khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh B. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông C chung sống với nhau từ năm 1999 và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14/10/2004 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh B (nay là phường T, thị xã B,

tình B). Như vậy, hôn nhân giữa bà H và ông C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Bà H cho rằng mâu thuẫn giữa bà và ông C đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói C, bất đồng quan điểm, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn kéo dài đã lâu không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Ông C thừa nhận vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn nhưng ông không đồng ý ly hôn là vì muốn thu thập chứng cứ chứng minh bà H ngoại tình và muốn giải quyết xong vấn đề tài sản ông mới đồng ý ly hôn với bà H.

Xét thấy, quá trình làm việc tại Tòa án, bà H và ông C đều thừa nhận giữa bà H và ông C có nảy sinh mâu thuẫn. Đến năm 2020, mâu thuẫn giữa bà H và ông C trở nên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Ngoài ra, hai bên đều thừa nhận sau khi hòa giải tại Tòa án vào ngày 7/5/2021 thì bà H và ông C về còn gây gổ, chửi bới nhau. Như vậy, sau khi Tòa án hòa giải thì bà H và ông C không đưa ra được giải pháp để giải quyết mâu thuẫn gia đình. Tòa án đã giải thích cho ông C về quyền yêu cầu phản tố nhưng ông C không tranh chấp về tài sản C, nợ C do đó, việc ông C không đồng ý ly hôn với lý do muốn giải quyết xong vấn đề tài sản là không có cơ sở chấp nhận. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần giải quyết dứt điểm để sớm ổn định cuộc sống cho cả hai bên. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[4] Về con chung:

Bà H và ông C thống nhất có 02 con C là Nguyễn Thị Thu G, sinh ngày 26/4/2000 và Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 18/12/2001. Hiện các con chung đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thu H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C về việc: “Tranh chấp ly hôn” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thu H phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0054478 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND phường T, thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

NGƯỜI BÁO CÁO

Lại Thị Ngọc Bích